

# QUY ĐỊNH

## Về quy trình kiểm sát việc giải quyết phá sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 436/QĐ-VKSTC ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quy trình kiểm sát các quyết định, văn bản của Tòa án nhân dân, Hội nghị chủ nợ trong giải quyết vụ việc phá sản; quy trình lập hồ sơ kiểm sát, nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản; quy trình ban hành kiến nghị, kháng nghị và quy trình tham gia các phiên họp trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

2. Quy định này được áp dụng trong kiểm sát việc giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản, gồm cả thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (sau đây viết tắt là Viện kiểm sát nhân dân các cấp).

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác của Viện kiểm sát nhân dân các cấp được giao thực hiện nhiệm vụ trong công tác kiểm sát việc giải quyết phá sản (sau đây gọi chung là công chức).

### Chương II

#### QUY TRÌNH KIỂM SÁT CÁC QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC PHÁ SẢN

##### Điều 3. Các quyết định, văn bản được kiểm sát trong giải quyết vụ việc phá sản

Viện kiểm sát kiểm sát các quyết định, văn bản trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc phá sản, gồm:

- Quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- Quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- Thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;

4. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;
5. Quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;
6. Nghị quyết Hội nghị chủ nợ;
7. Quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ;
8. Quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản;
9. Quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đình chỉ thủ tục phá sản;
10. Quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;
11. Quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh;
12. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;
13. Quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;
14. Quyết định tách tài sản đang tranh chấp trong vụ việc phá sản thành vụ án khác;
15. Các văn bản, quyết định khác của Tòa án giải quyết phá sản.

#### **Điều 4. Quy trình chung về kiểm sát các quyết định, văn bản của Tòa án nhân dân**

1. Vào sổ thụ lý kiểm sát quyết định, văn bản khác của Tòa án.
2. Kiểm sát thời hạn gửi; thời hạn, thẩm quyền ban hành quyết định, văn bản khác; kiểm sát hình thức, nội dung của quyết định, văn bản khác.
3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ khi thấy cần thiết theo quy định tại Điều 13 Quy chế công tác kiểm sát việc giải quyết phá sản ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-VKSTC ngày 26/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây viết tắt là Quy chế 435).
4. Lập Phiếu kiểm sát theo quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Xác định vi phạm của Tòa án, căn cứ tính chất, mức độ vi phạm để đề xuất hướng xử lý (kiến nghị theo vụ việc riêng hay tập hợp vi phạm để kiến nghị chung).
5. Dự thảo văn bản kiến nghị (nếu có) theo quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của Tòa án.

**Điều 5. Kiểm sát quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi quyết định: Tòa án nhân dân có trách nhiệm gửi quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định theo khoản 2 Điều 35 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ vào ngày Tòa án ra quyết định, ngày gửi theo dấu bưu điện trên bì thư và ngày Viện kiểm sát nhận được quyết định để kiểm sát.

2. Kiểm sát lý do trả lại đơn: Công chức căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Phá sản để xác định việc Tòa án trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có đúng quy định không. Trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát phối hợp, đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ để xem xét.

3. Trường hợp phát hiện vi phạm, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị đối với Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 36. Việc kiến nghị được thực hiện theo khoản 1 Điều 25 Quy định này.

**Điều 6. Kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này .

Trường hợp kết quả giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có vi phạm thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết theo khoản 3 Điều 36 Luật Phá sản, đồng thời, theo dõi việc giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp trên theo quy định tại các khoản 4 và khoản 5 Điều 36 Luật Phá sản, nếu phát hiện có vi phạm thì báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp trên để tổng hợp, kiến nghị chung.

**Điều 7. Kiểm sát thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, công chức

thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi, đối tượng được gửi, tư cách pháp lý của người nộp đơn theo quy định tại Điều 10 Quy chế 435.

2. Kiểm sát về thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản của Tòa án nhân dân: Kiểm sát viên căn cứ vào Điều 8 Luật Phá sản để kiểm sát, đồng thời lưu ý đối với vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cụ thể là:

a) Để xác định vụ việc phá sản có tài sản ở nước ngoài hoặc người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài theo điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Phá sản thì căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/8/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03);

b) Để xác định vụ việc phá sản có tính chất phức tạp theo điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Phá sản thì căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết số 03.

Nếu phát hiện có vi phạm về tư cách pháp lý của người nộp đơn, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì phải kiến nghị để khắc phục ngay.

### **Điều 8. Kiểm sát quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn ra quyết định: Công chức căn cứ vào ngày Thẩm phán ra Thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản để kiểm sát. Thời hạn để Thẩm phán ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản là 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu theo Điều 42 Luật Phá sản.

2. Kiểm sát thời hạn thông báo quyết định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải giao, gửi hoặc thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ vào ngày Tòa án ra quyết định, ngày gửi theo dấu bưu điện trên bì thư và ngày VKS nhận được quyết định để kiểm sát.

3. Kiểm sát hình thức quyết định: Công chức căn cứ khoản 4 Điều 42 Luật Phá sản để kiểm sát quyết định có đầy đủ các nội dung như quy định hay không.

4. Kiểm sát nội dung quyết định: Công chức phải kiểm sát căn cứ để Thẩm phán ban hành quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản là khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán hoặc không mất khả năng thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ vào

báo cáo tài chính, bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, báo cáo về tình trạng tài sản, công nợ do Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập theo quy định tại Điều 16 Luật Phá sản để xác định doanh nghiệp, hợp tác xã có mất khả năng thanh toán hay không.

5. Khi kiểm sát quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, nếu phát hiện Tòa án có vi phạm nghiêm trọng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phá sản. Quy trình kháng nghị được thực hiện theo Điều 26 Quy định này.

### **Điều 9. Kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi quyết định cho Viện kiểm sát cùng cấp: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ Thẩm phán ra quyết định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08/10/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2015).

2. Trường hợp thấy quyết định giải quyết của Tổ Thẩm phán không đúng với nội dung thảo luận và quyết định của Tổ Thẩm phán tại phiên họp hoặc không đúng với nội dung ý kiến Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên họp thì Kiểm sát viên báo cáo ngay lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình để thực hiện quyền kiến nghị.

### **Điều 10. Kiểm sát Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ**

Khi kiểm sát Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi Nghị quyết: Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ phải được Tòa án nhân dân gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ. Vì vậy, công chức căn cứ vào ngày khai mạc Hội nghị, thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Phá sản để kiểm sát.

2. Kiểm sát hình thức Nghị quyết: Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ phải có đủ các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Phá sản.

3. Kiểm sát điều kiện tiến hành Hội nghị: Để kiểm sát Hội nghị chủ nợ có hợp lệ hay không, căn cứ vào số chủ nợ tham gia hội nghị phải là đại diện ít nhất 51% tổng số nợ không có bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ vào danh sách chủ nợ do Quản tài viên hoặc doanh nghiệp, quản lý, thanh lý tài sản lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Phá sản để xác định.

4. Kiểm sát thủ tục tiến hành Hội nghị: Công chức căn cứ quy định tại Điều 75 Luật Phá sản để xác định việc Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ có đúng thời hạn không. Thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ có được gửi cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 Luật Phá sản không. Kiểm sát việc hoãn Hội nghị chủ nợ theo quy định tại Điều 80 Luật Phá sản.

5. Kiểm sát nội dung Nghị quyết: Công chức kiểm sát kết luận Hội nghị chủ nợ, kết quả biểu quyết tán thành phải đạt quá nửa của tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% trở lên tổng số nợ không có bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản thì Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ mới được thông qua.

6. Trường hợp phát hiện Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có vi phạm, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 85 Luật Phá sản. Việc kiến nghị được thực hiện theo quy trình tại khoản 2 và khoản 4 Điều 25 Quy định này.

7. Công chức kiểm sát quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị đối với Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ theo Điều 4 Quy định này.

### **Điều 11. Kiểm sát quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản**

Khi kiểm sát quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát về thời hạn gửi: Quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản được gửi cho VKS cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Vì vậy, công chức căn cứ vào ngày ban hành, ngày gửi quyết định theo dấu bưu điện trên bì thư và ngày Viện kiểm sát nhận được quyết định để kiểm sát.

2. Kiểm sát căn cứ ban hành quyết định: Công chức căn cứ khoản 1 Điều 86 Luật Phá sản, qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cung cấp như bản kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, báo cáo tình trạng tài sản, công nợ và hoạt động của

doanh nghiệp, hợp tác xã... để xem xét có đúng doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán hay không.

3. Khi kiểm sát quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản, nếu phát hiện có vi phạm thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện quyền kiến nghị đối với Chánh án Tòa án đang giải quyết phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Phá sản và thực hiện theo khoản 2 và khoản 4 Điều 25 Quy định này.

4. Công chức kiểm sát quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị đối với quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy trình tại Điều 4 Quy định này.

### **Điều 12. Kiểm sát quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

Khi kiểm sát quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi quyết định: Theo khoản 2 Điều 92 Luật Phá sản, quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh phải được gửi cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chủ nợ và Viện kiểm sát trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Vì vậy, công chức cần căn cứ vào ngày ban hành quyết định, ngày gửi theo dấu bưu điện trên bì thư và ngày Viện kiểm sát nhận được quyết định để kiểm sát.

2. Kiểm sát điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 90 Luật Phá sản. Công chức căn cứ vào danh sách chủ nợ do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập để xác định điều kiện hợp lệ của Hội nghị phải có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% số nợ không có bảo đảm và phải có sự tham gia của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được phân công giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

3. Kiểm sát thủ tục tiến hành Hội nghị: Công chức căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật Phá sản để xác định việc Thâm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ có đúng thời hạn hay không. Kiểm sát việc hoãn Hội nghị chủ nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Phá sản.

4. Kiểm sát nội dung Nghị quyết: Công chức kiểm sát kết quả biểu quyết tán thành phải đạt quá nửa của tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% trở lên tổng số nợ không có bảo đảm theo quy định tại khoản 4

Điều 91 Luật Phá sản thì Nghị quyết của Hội nghị thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh mới được thông qua.

### **Điều 13. Kiểm sát quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh**

Khi kiểm sát quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý kiểm sát căn cứ để Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản.

1. Trường hợp Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh khi doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo điểm a khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản thì công chức căn cứ vào các báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã báo cáo tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 93 để xác định doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh hay chưa. Trường hợp này doanh nghiệp, hợp tác xã được coi là không mất khả năng thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Phá sản.

2. Trường hợp Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản đó là khi doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 89 Luật Phá sản nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn mất khả năng thanh toán thì Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo khoản 2 Điều 96 Luật Phá sản.

### **Điều 14. Kiểm sát quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

Khi kiểm sát quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Kiểm sát thời hạn gửi quyết định: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, quyết định phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ ngày ban hành hành quyết định, ngày gửi theo dấu bưu điện trên bì thư và ngày Viện kiểm sát nhận được quyết định để kiểm sát.

2. Kiểm sát thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại Điều 31 Luật Phá sản thì Chánh án Tòa án nhân dân phân công một Thẩm phán hoặc Tổ



Thẩm phán để giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản được quy định tại Điều 8 Luật Phá sản. Vì vậy, công chức căn cứ vào quyết định phân công của Chánh án Tòa án nhân dân, xác định Thẩm phán ban hành quyết định này có đúng là Thẩm phán được phân công giải quyết phá sản không; có rơi vào trường hợp từ chối tiến hành hoặc phải thay đổi Thẩm phán theo Điều 10 Luật Phá sản hay không.

3. Kiểm sát hình thức quyết định: Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phải được bảo đảm đầy đủ nội dung quy định tại Điều 108 Luật Phá sản.

4. Kiểm sát nội dung quyết định:

a) Kiểm sát căn cứ để Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

a1. Công chức căn cứ các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động thua lỗ, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán;

a2. Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Chủ nợ có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật Phá sản.

b) Khi kiểm sát phần quyết định của Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, công chức kiểm sát việc Tòa án có quyết định về các nội dung sau đây không:

b1. Bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

b2. Việc thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

b3. Danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, khoản nợ, khoản vay có bảo đảm, có bảo đảm một phần;

b4. Về quyền lợi của người lao động, xác định rõ người lao động là những ai, quyền lợi của người lao động được giải quyết như thế nào;

b5. Giao dịch có liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản bị đình chỉ gồm những giao dịch nào và giải quyết hậu quả của giao dịch bị đình chỉ;

b6. Về xử lý khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại Điều 53 Luật Phá sản;

b7. Phương án phân chia giá trị tài sản trước và sau khi tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại Điều 54 Luật Phá sản.

2. Trường hợp phát hiện quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản vi phạm nghiêm trọng một trong các nội dung tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 111 Luật Phá sản. Quy trình kháng nghị được thực hiện theo Điều 26 Quy định này.

**Điều 15. Kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

Khi kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị đối với quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung cụ thể sau đây:

1. Trường hợp thấy quyết định giải quyết của Tổ Thẩm phán không đúng với nội dung thảo luận và quyết định của Tổ Thẩm phán tại phiên họp hoặc không đúng với nội dung ý kiến Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên họp thì Kiểm sát viên báo cáo ngay lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình để báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt quy định tại Điều 113 Luật Phá sản.

2. Công chức tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao được phân công kiểm sát quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị đối với quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu phát hiện có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản hoặc phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố phá sản mà Tòa án nhân dân, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được khi Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản thì báo cáo thủ trưởng đơn vị để báo cáo, đề xuất Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị đối với quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo Điều 113 Luật Phá sản. Quy trình kiến nghị được thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 25 Quy định này.

3. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới nhận được đơn đề nghị xem xét lại đối với quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chuyển đơn đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

**Điều 16. Kiểm sát quyết định tách tài sản đang tranh chấp trong vụ việc phá sản thành vụ án khác**

Khi kiểm quyết định tách tài sản đang tranh chấp trong vụ việc phá sản để giải quyết bằng vụ án khác quy định tại Điều 114 Luật Phá sản, công chức thực hiện theo quy trình tại Điều 4 Quy định này và lưu ý các nội dung sau:

1. Kiểm sát việc xử lý tài sản sau khi tài sản tranh chấp trong vụ việc phá sản đã được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Phá sản.

2. Kiểm sát việc thông báo quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Phá sản.

### **Điều 17. Kiểm sát các quyết định, văn bản khác của Tòa án giải quyết phá sản**

Khi nhận được các quyết định, văn bản của Tòa án về giải quyết phá sản không thuộc trường hợp quy định từ Điều 5 đến Điều 16 Quy định này thì công chức kiểm sát theo quy trình tại Điều 4 Quy định này.

## **Chương III**

### **QUY TRÌNH LẬP HỒ SƠ KIỂM SÁT, NGHIÊN CỨU HỒ SƠ VỤ VIỆC PHÁ SẢN**

#### **Điều 18. Lập hồ sơ kiểm sát**

1. Công chức được phân công lập hồ sơ kiểm sát việc giải quyết phá sản theo Mục III, Phần thứ hai Hướng dẫn số 28/HD-VKSTC ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hướng dẫn lập hồ sơ kiểm sát giải quyết vụ án hành chính; vụ việc kinh doanh thương mại; lao động; phá sản; xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 28/2018) và Điều 11 Quy chế 435.

Trường hợp xét thấy cần thiết phải bổ sung tài liệu, chứng cứ vào hồ sơ thì Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 7 Luật Phá sản và Điều 13 Quy chế 435. Văn bản yêu cầu cung cấp được ban hành theo quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hồ sơ phải trích cứu đầy đủ, trung thực lời trình bày của người tham gia thủ tục phá sản, sao chụp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và thể hiện rõ nguồn tài liệu, chứng cứ được thu thập. Hồ sơ kiểm sát còn bao gồm các tài liệu thể hiện hoạt động nghiệp vụ của công chức, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình, ý kiến chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên (nếu có).

3. Hồ sơ kiểm sát phải có những tài liệu chủ yếu sau:

a) Đơn của người yêu cầu mở thủ tục phá sản, các tài liệu, chứng cứ quan trọng do người tham gia thủ tục phá sản cung cấp;

b) Các báo cáo tài chính, báo cáo công nợ, bản kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ;

c) Ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;

d) Ý kiến của Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (nếu có);

đ) Các tài liệu, văn bản tố tụng mà Tòa án thực hiện; các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi Viện kiểm sát;

Hồ sơ kiểm sát được sắp xếp theo từng tập; tài liệu được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Việc lập bản kê danh mục tài liệu, đánh số mục lục hồ sơ kiểm sát phải phù hợp với quy định về công tác văn thư, lưu trữ của Ngành.

#### 4. Các loại hồ sơ kiểm sát:

a) Hồ sơ kiểm sát giải quyết phá sản do Viện kiểm sát cấp dưới lập để thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị gồm: Hồ sơ kiểm sát quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; hồ sơ kiểm sát quyết định không mở thủ tục phá sản; hồ sơ kiểm sát quyết định mở thủ tục phá sản; hồ sơ kiểm sát quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

b) Hồ sơ kiểm sát giải quyết phá sản do Viện kiểm sát cấp trên lập để tham gia phiên họp giải quyết kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

c) Hồ sơ kiểm sát giải quyết phá sản do Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập để thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

### **Điều 19. Quy trình chung của việc nghiên cứu hồ sơ**

#### 1. Các trường hợp nghiên cứu hồ sơ

a) Nghiên cứu hồ sơ để thực hiện quyền kiến nghị, quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu hồ sơ để thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 36, 44 và 111 Luật Phá sản;

b) Nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp: Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp theo quy định tại khoản 6 Điều 44 và khoản 4 Điều 112 Luật Phá sản;

c) Nghiên cứu hồ sơ để thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt: Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu hồ sơ để thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt theo quy định tại Điều 113 Luật Phá sản.

2. Công chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản phải nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, nắm chắc nội dung tài liệu đó; kiểm sát các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, qua đó xác định tài liệu nào là chứng cứ, tài liệu nào không phải là chứng cứ; cần thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì; nhận dạng các vi phạm của người tiến hành thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản để đưa ra các yêu cầu, kiến nghị kịp thời.

Công chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản theo từng vấn đề cụ thể, như nghiên cứu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, tài liệu, chứng cứ mà người tham gia thủ tục phá sản xuất trình; tài liệu chứng cứ do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cung cấp.

### 3. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ

#### a) Nghiên cứu hồ sơ thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị

Luật Phá sản không quy định Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, không quy định thời hạn nghiên cứu hồ sơ thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị, do đó căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, lãnh đạo Viện kiểm sát quy định thời gian nghiên cứu hồ sơ của công chức để thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị nhưng phải bảo đảm thời hạn kiến nghị, kháng nghị quy định tại các điều 36, 44, 111 và 113 Luật Phá sản.

b) Thời hạn nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp giải quyết kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải bảo đảm thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 44 và khoản 2 Điều 112 Luật Phá sản.

### **Điều 20. Nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

1. Công chức Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, xem xét việc thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 36 Luật Phá sản. Khi nghiên cứu hồ sơ, phải thực hiện theo Điều 19 Quy định này và nghiên cứu kỹ đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và các tài liệu kèm theo để làm rõ các vấn đề sau: Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản; căn cứ trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có thuộc các trường hợp quy định tại Điều 34 Luật Phá sản không.

2. Thời hạn nghiên cứu hồ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quy định này.

3. Qua nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất quan điểm giải quyết. Trường hợp phát hiện vi phạm của Tòa án, công chức tổng hợp đề báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm theo quy định.

### **Điều 21. Nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản**

1. Công chức Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, xem xét việc thực hiện quyền kháng nghị. Việc nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo Điều 19 Quy định này, đồng thời cần tập trung nghiên cứu kỹ những tài liệu chủ yếu sau để xác định doanh nghiệp, hợp tác xã có bị mất khả năng thanh toán hay không:

a) Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, biên bản đối chiếu công nợ;

c) Các báo cáo tài chính, báo cáo về tình trạng tài sản, công nợ và báo cáo về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã.

d) Các tài liệu khác do Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập theo quy định tại Điều 16 Luật Phá sản:

2. Thời hạn nghiên cứu hồ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quy định này.

3. Qua nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất quan điểm giải quyết. Trường hợp phát hiện vi phạm của Tòa án là nghiêm trọng, công chức báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 44 Luật Phá sản; trường hợp vi phạm ít nghiêm trọng thì tập hợp, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị theo quy định.

### **Điều 22. Nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

1. Công chức Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu hồ sơ để kiểm sát quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, xem xét thực hiện quyền kháng

ngợi. Việc nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo Điều 19 và khoản 1 Điều 21 Quy định này, đồng thời cần tập trung nghiên cứu, làm rõ những vấn đề sau:

- a) Căn cứ của việc tuyên bố phá sản;
- b) Việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;
- c) Đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;
- d) Chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;
- đ) Giải quyết hậu quả của giao dịch bị đình chỉ;
- e) Tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, giải quyết quyền lợi của người lao động;
- g) Chấm dứt quyền hạn của đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã;
- h) Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- i) Việc xử lý đối với khoản nợ có bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- k) Phương án phân chia giá trị tài sản trước và sau khi tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo thứ tự phân chia tài sản tại Điều 54 Luật Phá sản.

2. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quy định này.

3. Qua nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất quan điểm giải quyết. Trường hợp phát hiện vi phạm của Tòa án là nghiêm trọng, công chức báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kháng nghị theo Điều 111 Luật Phá sản; trường hợp vi phạm ít nghiêm trọng thì tập hợp, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị theo quy định.

**Điều 23. Nghiên cứu hồ sơ để xem xét thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt đối với quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp với Tòa án nhân dân đã giải quyết đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải

kiểm sát việc giải quyết, nếu phát hiện có vi phạm thì báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

1. Công chức Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu hồ sơ để xem xét việc thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt theo quy định tại Điều 113 Luật Phá sản. Việc nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo Điều 19, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 22 Quy định này, đồng thời cần lưu ý xem xét, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ để xác định rõ quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản hoặc có tình tiết mới không để thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

a) Có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản tức là: Nội dung của quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ việc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia thủ tục phá sản; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết vụ việc phá sản làm cho người tham gia thủ tục phá sản không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình trong việc giải quyết phá sản, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật; có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra quyết định không đúng gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia thủ tục phá sản, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

b) Tình tiết mới được xác định theo một trong các trường hợp sau: Phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ việc, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố phá sản mà người tiến hành thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được trong suốt quá trình giải quyết và khi Tòa án ra quyết định; có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ; có dấu hiệu cho rằng người tiến hành thủ tục phá sản cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận trái pháp luật; quyết định của cơ quan nhà nước mà Tòa án căn cứ vào đó để giải quyết vụ việc đã bị hủy bỏ.

2. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quy định này.

3. Qua nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất quan điểm giải quyết. Trường hợp phát hiện có căn cứ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 113 Luật Phá sản thì báo cáo thủ trưởng đơn vị để báo cáo đề xuất Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực



hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét lại quyết định.

**Điều 24. Nghiên cứu hồ sơ để tham gia các phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

1. Công chức Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản theo khoản 6 Điều 44 Luật Phá sản, phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo khoản 4 Điều 112 Luật Phá sản. Việc nghiên cứu hồ sơ thực hiện theo Điều 19, khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 Quy định này. Khi nghiên cứu hồ sơ, cần nghiên cứu một cách toàn diện, có phân tích, so sánh, tổng hợp các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở đó, tiến hành phân loại tài liệu, chứng cứ theo các nhóm: Nhóm tài liệu, chứng cứ liên quan đến kháng nghị; nhóm tài liệu, chứng cứ liên quan đến đơn đề nghị. Tùy từng trường hợp mà tập trung vào từng nhóm tài liệu, chứng cứ để nghiên cứu vấn đề. Nội dung nào của đề nghị, kháng nghị có căn cứ, không có căn cứ, có căn cứ nhưng chưa rõ và cần phải bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm rõ; những nội dung có mâu thuẫn trong các nguồn chứng cứ và chứng cứ, tài liệu nào cần xác minh thêm. Trên cơ sở đó, công chức lập bản nghiên cứu tổng hợp chứng cứ, dự kiến hỏi về chứng cứ, tài liệu đó.

2. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quy định này.

3. Qua nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng báo cáo và báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ. Trường hợp công chức nghiên cứu hồ sơ không phải là Kiểm sát viên tham gia phiên họp, quá trình nghiên cứu hồ sơ có vướng mắc hoặc đề xuất liên quan đến nội dung vụ việc phá sản phải báo cáo Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên họp. Kiểm sát viên tham gia phiên họp cho ý kiến giải quyết hoặc báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định. Kiểm sát viên tham gia phiên họp là người thẩm định hồ sơ của công chức nghiên cứu và trực tiếp báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án hoặc ủy quyền cho công chức báo cáo khi được lãnh đạo Viện kiểm sát đồng ý. Trường hợp không có sự thống nhất giữa công chức nghiên cứu hồ sơ và Kiểm sát viên tham gia phiên họp thì trước khi báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát, Thủ trưởng đơn vị phải tổ chức thảo luận trong đơn vị và báo cáo kết quả thảo luận của đơn vị để lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định.

4. Kiểm sát viên tham gia phiên họp xây dựng dự kiến diễn biến tại phiên họp, dự kiến câu hỏi, dự thảo văn bản phát biểu.

#### **Chương IV**

### **QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ**

#### **Điều 25. Quy trình xây dựng, ban hành kiến nghị**

1. Xây dựng, ban hành kiến nghị quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

a) Kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp

Sau khi công chức báo cáo quan điểm đề xuất kiến nghị được lãnh đạo Viện kiểm sát duyệt chấp thuận thì xây dựng dự thảo kiến nghị. Văn bản kiến nghị có các nội dung chủ yếu sau:

(i) Ngày, tháng, năm;

(ii) Tên của Viện kiểm sát kiến nghị, tên của Tòa án nhân dân bị kiến nghị;

(iii) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

(iv) Phần nhận thấy: Nêu tóm tắt nội dung quyết định giải quyết vụ việc phá sản;

(v) Phần xét thấy: Nêu rõ dạng vi phạm qua công tác kiểm sát đã phát hiện được; trích dẫn quy định pháp luật làm căn cứ đánh giá vi phạm.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng văn bản kiến nghị, công chức trình lãnh đạo Viện kiểm sát ký ban hành.

b) Kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp

Khi kiểm sát quyết định giải quyết kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nếu phát hiện Tòa án có vi phạm thì Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Quy trình xây dựng, ban hành kiến nghị thực hiện như khoản 1 Điều này.

2. Kiến nghị đối với các quyết định, văn bản khác

Khi thực hiện kiểm sát các quyết định, văn bản khác của Tòa án, trường hợp phát hiện vi phạm thì báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị đối với Chánh án Tòa án nhân dân đã ban hành văn bản, quyết định theo kiến nghị riêng hoặc tập hợp vi phạm báo cáo lãnh đạo Viện kiểm

sát cấp mình để thực hiện quyền kiến nghị chung theo quy định.

Quy trình xây dựng, ban hành kiến nghị thực hiện như khoản 1 Điều này.

### 3. Kiến nghị theo thủ tục đặc biệt

a) Khi nhận được đơn đề nghị, kiến nghị của người tham gia thủ tục phá sản hoặc báo cáo của Viện kiểm sát cấp dưới đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, kiến nghị quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục đặc biệt quy định tại Điều 113 Luật Phá sản, công chức tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành xem xét và xử lý, trường hợp phát hiện quyết định có vi phạm nghiêm trọng về pháp luật phá sản hoặc phát hiện có tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà Tòa án nhân dân, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được khi Tòa án nhân dân ra quyết định thì báo cáo lãnh đạo Vụ để báo cáo đề xuất Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện quyền kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

b) Xây dựng báo cáo, đề xuất lãnh đạo Vụ, báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

c) Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kiến nghị, công chức xây dựng văn bản kiến nghị trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ký ban hành, đồng thời công chức theo dõi việc giải quyết kiến nghị của Tòa án nhân dân tối cao.

### 4. Cách thức viết bản kiến nghị

a) Đối với từng loại quyết định, văn bản khác về giải quyết phá sản có vi phạm của Tòa án, công chức khi xây dựng văn bản kiến nghị cần nêu tóm tắt nội dung của quyết định, văn bản; nhận định đánh giá phải nêu được rõ lý do, căn cứ cả về tố tụng và nội dung. Nêu rõ từng dạng vi phạm qua công tác kiểm sát đã phát hiện được, trích dẫn điều luật bị vi phạm để kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

b) Đối với kiến nghị đề nghị Tòa án xem xét, quyết định giải quyết đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục đặc biệt thì trong nội dung kiến nghị phải nêu đề nghị về hướng giải quyết vụ việc theo điểm b khoản 3 Điều 113 Luật Phá sản.

## **Điều 26. Quy trình xây dựng, ban hành kháng nghị**

1. Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện quyền kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được quyết định theo khoản 1 Điều 44 Luật Phá sản và thực hiện quyền kháng nghị đối với quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định theo khoản 2 Điều 111 Luật Phá sản. Trường hợp xét thấy cần phải nghiên cứu hồ sơ hoặc cần phải thu thập tài liệu, chứng cứ, công chức báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ kháng nghị;

b) Phối hợp đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ để nghiên cứu.

2. Quyết định kháng nghị được xây dựng theo mẫu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

a) Phần mở đầu gồm các thông tin cần có như: Tên Viện kiểm sát kháng nghị; số hiệu, ngày, tháng năm ban hành quyết định kháng nghị; số ngày, tháng năm của quyết định bị kháng nghị (quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản) của Tòa án nhân dân ban hành quyết định giải quyết vụ việc phá sản; căn cứ pháp luật để kháng nghị; họ tên, địa chỉ của những người tham gia thủ tục phá sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có).

b) Phần nội dung bao gồm phần nhận thấy và xét thấy

(i) Phần nhận thấy: Nêu tóm tắt nội dung vụ việc phá sản nhưng phải bảo đảm đầy đủ, chính xác. Cùng với việc phản ánh nội dung yêu cầu mở thủ tục phá sản, chứng cứ, tài liệu do đương sự xuất trình, trình bày của người tham gia thủ tục phá sản, công chức soạn thảo phần này nêu yêu cầu cụ thể mà đương sự mong muốn Tòa án giải quyết. Lưu ý khi soạn thảo phần này hoàn toàn căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ việc để trình bày một cách khách quan, không áp đặt ý kiến chủ quan của người soạn thảo vào văn bản.

(ii) Phần xét thấy: Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ việc, công chức xác định các phán quyết trong quyết định bị kháng nghị đúng hay không đúng. Việc đánh giá đúng, sai phải dựa trên sự phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ việc; việc lập luận phải căn cứ trên cơ sở quy định pháp luật, đối chiếu với những nhận định, quyết định trong quyết định bị kháng nghị. Phần này đòi hỏi công chức không chỉ có kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, nhận thức pháp luật, tư duy sắc sảo để phát hiện được vấn đề có vi phạm, sai lầm của Tòa án mà còn đòi hỏi khả năng viết văn bản với tư duy rõ ràng, mạch lạc, hành văn lưu loát, có tính liên kết và thuyết phục.

c) Phần quyết định: Công chức khi soạn thảo cần ghi rõ, chính xác, ngắn gọn kháng nghị đối với quyết định nào của Tòa án nào. Kháng nghị một phần quyết định hay toàn bộ quyết định. Lý do của việc kháng nghị và yêu cầu, đề nghị của VKS đối với Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc.

Sau khi nêu rõ lý do kháng nghị, văn bản kháng nghị phải nêu rõ quan điểm và hướng giải quyết vụ việc. Công chức cần căn cứ vào kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ việc, phần nội dung trong quyết định và những vi phạm đã phát hiện trong quá trình kiểm sát để đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình hướng giải quyết cụ thể. Nội dung đề nghị Tòa án về hướng giải quyết cần bám sát quyết định về thẩm quyền của Tòa án giải quyết kháng nghị theo quy định tại khoản 7 Điều 44 và khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản.

3. Quyết định kháng nghị được gửi ngay cho Tòa án nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên.

## **Chương V**

### **QUY TRÌNH THAM GIA PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN**

#### **Điều 27. Các hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên họp**

Kiểm sát viên Viện kiểm sát cấp trên tham gia phiên họp theo quy định tại các điều 21, 44 và 112 Luật Phá sản năm 2014 và tiến hành các hoạt động theo 03 giai đoạn trước phiên họp, tại phiên họp và sau khi kết thúc phiên họp.

#### **Điều 28. Hoạt động của Kiểm sát viên trước phiên họp**

1. Nghiên cứu hồ sơ theo Điều 24 Quy định này.
2. Kiểm sát viên xây dựng dự kiến diễn biến tại phiên họp, những tình huống có thể xảy ra trong phiên họp như việc thay đổi người tiến hành thủ tục phá sản; tài liệu, chứng cứ mới do người tham gia thủ tục phá sản xuất đưa ra có thể làm thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát; các lý do dẫn tới phiên họp có thể bị hoãn....
3. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, Kiểm sát viên có thể dự kiến các câu hỏi để làm sáng tỏ các vấn đề còn chưa rõ, còn mâu thuẫn giữa các tài liệu, chứng cứ để củng cố quan điểm giải quyết vụ việc của Viện kiểm sát.

4. Sau khi có kết quả báo cáo nghiên cứu hồ sơ vụ việc, kết luận về đường lối giải quyết vụ việc của lãnh đạo Viện kiểm sát, Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên họp xây dựng dự thảo văn bản phát biểu của Kiểm sát viên

tại phiên họp theo mẫu quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao với các nội dung chính sau:

a) Việc tuân theo pháp luật của Tổ Thẩm phán giải quyết kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

b) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia thủ tục phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

c) Phân tích, đánh giá đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Nêu rõ căn cứ pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc phá sản.

5. Dự thảo văn bản phát biểu được lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát cho ý kiến trước khi Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

### **Điều 29. Hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên họp**

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp của Tổ Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia thủ tục phá sản (nếu có). Kiểm sát việc thay đổi Thẩm phán theo quy định tại Điều 10 Luật Phá sản, Thông tư số 01/2015.

Trường hợp phiên họp có sự tham gia của người tham gia thủ tục phá sản, Kiểm sát viên phải kiểm sát tư cách pháp lý của người tham gia thủ tục phá sản.

2. Kiểm sát viên theo dõi và ghi chép diễn biến phiên họp, ghi chép những câu hỏi của Tổ Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp, quản lý thanh lý tài sản (nếu có), ghi chép những câu trả lời của người tham gia thủ tục phá sản (nếu có), từ đó đối chiếu với đề cương hỏi và so sánh với các tài liệu, chứng cứ cũng như lời trình bày của người tham gia thủ tục phá sản (nếu có) để tham gia hỏi, tránh bị trùng lặp nội dung đã hỏi....

3. Trình bày nội dung kháng nghị và căn cứ kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu có); phân tích để làm rõ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát (trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị).

4. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ việc phá sản, gồm các vấn đề sau:

a) Tính có căn cứ và hợp pháp của đề nghị xem xét lại của người tham gia thủ tục phá sản (nếu có đề nghị).

b) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành thủ tục phá sản và người tham gia thủ tục phá sản (nếu có) từ khi Tổ trưởng Tổ Thẩm phán khai mạc phiên họp đến khi kết thúc phiên họp.

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

### **Điều 30. Hoạt động của Kiểm sát viên sau phiên họp**

1. Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên hoàn thiện văn bản phát biểu và gửi Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ việc.

2. Kiểm sát viên báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát. Đối với những vi phạm của Tổ Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã được Kiểm sát viên trình bày tại phiên họp nhưng không được chấp nhận thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để thực hiện quyền kiến nghị. Đối với phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu có vi phạm nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 Luật Phá sản thì Kiểm sát viên phải báo cáo ngay lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét kiến nghị theo thủ tục đặc biệt quy định tại Điều 113 Luật Phá sản.

3. Báo cáo kết quả phiên họp được lập theo mẫu quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và được làm thành 04 bản, 01 bản gửi Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị, 01 bản báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình, 01 bản lưu hồ sơ kiểm sát, 01 bản gửi báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THI HÀNH**

#### **Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.
2. Những nội dung đã được quy định tại Quy chế 435 và được quy định cụ thể, chi tiết hơn tại Quy định này thì được thực hiện theo Quy định này.
3. Những nội dung đã được quy định tại Quy chế 435 mà không có trong Quy định này thì thực hiện theo Quy chế 435.

#### **Điều 32. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này.
2. Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10),

Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tham mưu, giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong toàn Ngành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ 10) để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

-----